

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /2026/TT-BYT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đối với việc bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đối với việc bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt.

Điều 1. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính do bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

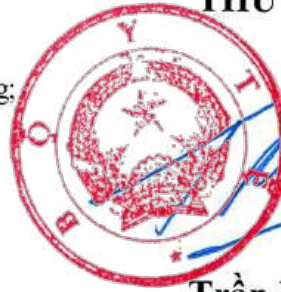
Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành cho đến khi kết thúc thủ tục hành chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân, phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ trưởng (đề báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KCB, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Thuấn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2026/TT-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2026)

STT	Mã số	Chuyên khoa	Tên kỹ thuật
1	1.176	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)
2	1.177	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)
3	1.178	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn
4	1.179	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng
5	1.180	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp
6	1.181	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)
7	1.182	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn
8	1.183	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng
9	1.184	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp
10	1.185	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS
11	1.186	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.
12	1.187	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng
13	1.189	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc và tách huyết tương chọn lọc
14	1.190	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ với màng lọc đặc biệt trong sốc nhiễm khuẩn
15	1.191	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc resin
16	1.192	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng huyết tương
17	1.193	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng albumin
18	1.194	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc

19	1.195	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong hội chứng Guillain-Barré, nhược cơ
20	1.196	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác
21	1.197	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong hội chứng xuất huyết giảm tiểu cầu tắc mạch (hội chứng TTP)
22	1.198	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong suy gan cấp
23	1.199	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ với than hoạt trong ngộ độc cấp
24	1.313	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)
25	1.330	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp
26	1.331	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp
27	1.332	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ cytokine với quả lọc pmx (polymixin b)
28	2.202	02. NỘI KHOA	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
29	2.205	02. NỘI KHOA	Lọc huyết tương (Plasmapheresis)
30	2.207	02. NỘI KHOA	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc trong Lupus
31	2.208	02. NỘI KHOA	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc (quả lọc kép)
32	2.220	02. NỘI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).
33	2.226	02. NỘI KHOA	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu
34	2.605	02. NỘI KHOA	Test kích thích với thuốc đường tĩnh mạch
35	2.606	02. NỘI KHOA	Test kích thích với thuốc đường uống
36	2.607	02. NỘI KHOA	Test kích thích với sữa
37	2.608	02. NỘI KHOA	Test kích thích với thức ăn
38	2.609	02. NỘI KHOA	Test huyết thanh tự thân
39	2.611	02. NỘI KHOA	Test kích thích phế quản không đặc hiệu với Methacholine
40	3.113	03. NHI KHOA	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
41	3.114	03. NHI KHOA	Lọc máu liên tục (CRRT)
42	3.115	03. NHI KHOA	Lọc máu hấp thụ bằng than hoạt
43	3.116	03. NHI KHOA	Thay huyết tương
44	3.120	03. NHI KHOA	Lọc và tách huyết tương chọn lọc

45	3.1361	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC thắt lưng: 1 liều hay truyền liên tục qua bơm tiêm điện
46	3.1362	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC ngực qua bơm tiêm điện liên tục
47	3.1363	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm morphinic thuốc tê theo kiểu PCEA
48	3.1364	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh hay đám rối qua catheter
49	3.1367	03. NHI KHOA	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường quy
50	3.1368	03. NHI KHOA	Lọc máu nhân tạo cấp cứu liên tục
51	3.1447	03. NHI KHOA	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
52	3.1653	03. NHI KHOA	Khám mắt và điều trị có gây mê
53	3.1738	03. NHI KHOA	Chụp sứ Cercon
54	3.1739	03. NHI KHOA	Cầu sứ Cercon
55	3.1769	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup
56	3.1771	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định Nance
57	3.1781	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh trước phẫu thuật điều trị khe hở môi-vòm miệng giai đoạn sớm
58	3.1793	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm miệng
59	3.1869	03. NHI KHOA	inlay/Onlay kim loại thường
60	3.1875	03. NHI KHOA	Chụp sứ Titanium
61	3.1876	03. NHI KHOA	Chụp sứ toàn phần
62	3.1878	03. NHI KHOA	Chụp sứ kim loại quý
63	3.1879	03. NHI KHOA	Cầu sứ Titanium
64	3.1880	03. NHI KHOA	Cầu sứ kim loại quý
65	3.1881	03. NHI KHOA	Cầu sứ toàn phần
66	3.1884	03. NHI KHOA	Veneer sứ - Composite
67	3.1885	03. NHI KHOA	Cùi đúc Titanium
68	3.1886	03. NHI KHOA	Cùi đúc kim loại quý
69	3.1887	03. NHI KHOA	inlay/Onlay Titanium
70	3.1888	03. NHI KHOA	inlay/Onlay kim loại quý
71	3.1889	03. NHI KHOA	inlay/Onlay sứ - Composite
72	3.1890	03. NHI KHOA	inlay/Onlay sứ toàn phần
73	3.1891	03. NHI KHOA	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant

74	3.1896	03. NHI KHOA	Máng Titanium tái tạo xương có hướng dẫn
75	3.1897	03. NHI KHOA	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
76	3.1942	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục
77	3.2072	03. NHI KHOA	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
78	3.2076	03. NHI KHOA	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
79	3.2991	03. NHI KHOA	Tái tạo da mặt bằng hoá chất
80	3.3000	03. NHI KHOA	Điện đông các khối u lành tính ngoài da
81	3.3001	03. NHI KHOA	Quang đông các khối u lành tính ngoài da
82	3.3002	03. NHI KHOA	áp nito lỏng các khối u lành tính ngoài da
83	3.3008	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo xấu bằng hoá chất
84	3.3009	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic
85	3.3010	03. NHI KHOA	Chấm TCA điều trị sẹo lõm
86	3.3011	03. NHI KHOA	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser: YAG-KTP, Argon...
87	3.3012	03. NHI KHOA	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...
88	3.3016	03. NHI KHOA	Tiêm Botulinum toxin điều trị chứng ra nhiều mồ hôi nách, tay, chân
89	3.3017	03. NHI KHOA	Tái tạo da mặt bằng Laser
90	3.3018	03. NHI KHOA	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da...
91	3.3025	03. NHI KHOA	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể
92	3.3026	03. NHI KHOA	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể
93	3.3028	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung
94	3.3031	03. NHI KHOA	Chích rạch áp xe nhỏ
95	3.3032	03. NHI KHOA	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu
96	5.25	05. DA LIỄU	Điều trị u mạch máu bằng YAG-KTP
97	5.26	05. DA LIỄU	Điều trị bớt tăng sắc tố bằng YAG-KTP
98	5.27	05. DA LIỄU	Xoá xăm bằng YAG-KTP
99	5.28	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng YAG-KTP
100	5.92	05. DA LIỄU	Xoá xăm bằng các kỹ thuật Laser Ruby
101	5.93	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng Laser Fractional, Intracell
102	5.94	05. DA LIỄU	Xoá nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell
103	5.95	05. DA LIỄU	Điều trị các bớt sắc tố bằng Laser Ruby
104	5.96	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng các kỹ thuật Laser Fractional
105	5.106	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin
106	5.108	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)

107	9.82	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tủy sống - ngoài màng cứng
108	9.103	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện
109	9.104	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện
110	9.105	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphinic-thuốc tê theo kiểu PCEA
111	9.106	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter
112	9.107	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh qua catheter
113	9.109	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC
114	9.111	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim tủy sống-ngoài màng cứng (CSE)
115	9.112	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê NMC
116	10.311	10. NGOẠI KHOA	Tán sỏi ngoài cơ thể
117	11.1	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn
118	11.6	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em
119	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
120	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
121	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
122	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
123	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
124	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
125	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
126	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ
127	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
128	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
129	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
130	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
131	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
132	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại
133	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
134	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý
135	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần

136	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
137	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
138	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
139	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
140	16.151	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear
141	16.152	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ Facemask và ốc nong nhanh
142	16.153	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup
143	16.155	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
144	16.158	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng Microimplant
145	16.160	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng ngầm
146	16.165	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi - cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
147	16.166	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
148	16.167	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
149	16.171	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp
150	16.179	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm miệng
151	16.182	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp
152	16.194	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
153	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sau răng bằng máng có Gel Flour
154	16.298	16. RĂNG HÀM MẶT	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
155	16.300	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt